

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 437/QĐ-CNNLPT ngày 15 tháng 07 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông Lâm Phú Thọ)

Tên nghề: Chăn nuôi gia súc, gia cầm

Mã nghề: 6620117

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm (25 tháng)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình này nhằm đào tạo, trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng chuyên môn chính về chăn nuôi gia súc, gia cầm như: có khả năng tư vấn, thiết kế chuồng trại, hướng dẫn kỹ thuật về chăn nuôi; sản xuất kinh doanh chăn nuôi; lập kế hoạch, quản lý, điều hành các trang trại chăn nuôi, chẩn đoán và điều trị cho vật nuôi và các nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, đáp ứng yêu cầu khoa học công nghệ và tiếp tục học lên trình độ cao hơn.

Người học sau tốt nghiệp, có thể làm việc tại các: Công ty chăn nuôi; công ty giống vật nuôi; công ty sản xuất thức ăn chăn nuôi; cơ sở ấp trứng gia cầm; kinh doanh thức ăn chăn nuôi; trang trại chăn nuôi; hợp tác xã chăn nuôi; cơ quan quản lý nhà nước, hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác có liên quan đến chăn nuôi hoặc có thể tự tạo việc làm cho mình.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

+ Có hiểu biết về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

+ Người học được trang bị những kiến thức cơ sở làm nền tảng cho việc tiếp cận chuyên môn đạt hiệu quả cao.

+ Mô tả được cấu tạo, chức năng sinh lý của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể động vật;

+ Trình bày được đặc điểm các giống vật nuôi, phương pháp giám định, chọn lọc, nhân giống và quản lý giống vật nuôi;

+ Trình bày được các điều kiện để khai thác, kiểm tra chất lượng và bảo quản tinh dịch;

+ Mô tả được quy trình kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho gia súc, gia cầm;

+ Trình bày được tiêu chuẩn ăn và khẩu phần ăn cho gia súc, gia cầm;

- + Trình bày được các bước phối hợp khẩu phần ăn và cách cho gia súc, gia cầm ăn;
- + Trình bày được các bước trong chẩn đoán và điều trị bệnh cho gia súc gia cầm.
- + Trình bày được cách sử dụng các loại thức ăn, phương pháp chế biến, bảo quản và quản lý thức ăn chăn nuôi;
- + Trình bày được quy trình trồng và chăm sóc được các loại cây thức ăn;
- + Trình bày được các bước công việc trong quy trình nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm và động vật khác);
- + Trình bày được các biện pháp kỹ thuật xử lý chất thải chăn nuôi, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;
- + Trình bày được các bước công việc trong quy trình ấp trứng nhân tạo gia cầm;
- + Trình bày được quy trình phòng và trị bệnh cho một đàn vật nuôi;
- + Mô tả được các bước công việc trong việc kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống vật nuôi và dụng cụ, thiết bị chăn nuôi;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Kỹ năng:

- + Sử dụng thành thạo các công cụ, dụng cụ phục vụ chăn nuôi, thú y thông thường;
- + Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chuyên môn được cho các cán bộ có trình độ chuyên môn thấp hơn hoặc người chăn nuôi;
- + Thực hiện được các công việc chăn nuôi, thú y trong các cơ quan chuyên ngành và tại các hợp tác xã, ban khuyến nông xã, trang trại, hộ gia đình;
- + Nhận biết, chọn được giống, nhân giống, thiết kế được chuồng trại, chăm sóc, lập khẩu phần ăn, sử dụng, phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị được các bệnh thường gặp cho gia súc;
- + Thực hiện được việc tổ chức kinh doanh mặt hàng thức ăn gia súc, gia cầm, làm dịch vụ điều trị bệnh, tư vấn kỹ thuật phòng trị bệnh, chăn nuôi, chủ cửa hàng bán thuốc, dụng cụ, nguyên vật liệu dùng trong chăn nuôi gia súc gia cầm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- + Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện công việc đã định sẵn;
- + Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- + Có ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ sản xuất;
- + Chủ động, sáng tạo, khoa học cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc;
- + Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- + Thích nghi tốt với môi trường làm việc khó khăn, vất vả;
- + Luôn hoàn thành tốt những công việc thường xuyên được giao.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tư vấn thiết kế chuồng trại chăn nuôi;
- Sản xuất giống vật nuôi;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi;
- Thụ tinh nhân tạo;
- Chẩn đoán và điều trị cho vật nuôi;
- Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi;
- Ấp trứng nhân tạo;
- Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, giống và dụng cụ, thiết bị chăn nuôi.

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC

- Số lượng môn học, mô đun: 43
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 154 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 3065 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 1151 giờ; thực hành, thực tập, thí nghiệm: 2219 giờ; kiểm tra: 130 giờ.

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian đào tạo (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	20	435	157	255	23
MH 01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	4	75	36	35	4
MH 05	Tin học	3	75	15	58	2
MH 06	Tiếng anh	5	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	134	3065	994	1964	107
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	36	690	325	331	34
MH 07	Giải phẫu và sinh lý vật nuôi	4	90	42	44	4
MH 08	Dược lý thú y	5	90	45	41	4

MH 09	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	4	90	42	44	4
MH 10	Sinh hoá động vật	3	75	44	28	3
MH 11	Di truyền học động vật	3	60	26	31	3
MH 12	Miễn dịch học	2	30	15	13	2
MH 13	Vi sinh vật chăn nuôi	3	60	24	33	3
MH 14	Vi sinh vật thú y	3	60	22	35	3
MH 15	Phương pháp thí nghiệm	2	30	14	14	2
MH 16	Khuyến nông đại cương	2	45	17	26	2
MH 17	Luật thú y	2	30	17	11	2
MH 18	An toàn lao động	2	30	17	11	2
II.2.	Môn học, mô đun chuyên môn nghề	98	2375	669	1633	73
MĐ 19	Giống vật nuôi	4	75	30	42	3
MĐ 20	Thiết kế và xây dựng chuồng trại	3	60	22	35	3
MĐ 21	Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị chăn nuôi	3	60	18	39	3
MĐ 22	Vệ sinh chăn nuôi	2	30	14	14	2
MĐ 23	Đồng cỏ và cây thức ăn	3	60	22	35	3
MĐ 24	Chăn nuôi lợn	4	90	31	55	4
MĐ 25	Chăn nuôi trâu bò	4	90	30	56	4
MĐ 26	Chăn nuôi gia cầm	4	90	30	56	4
MĐ 27	Chăn nuôi chim cút, chim bồ câu	4	90	30	56	4
MĐ 28	Chăn nuôi dê, thỏ	4	90	30	56	4
MĐ 29	Chăn nuôi chó, mèo	4	75	30	42	3
MĐ 30	Chăn nuôi động vật hoang dã	3	60	22	35	3
MĐ 31	Truyền giống vật nuôi	3	75	26	46	3
MĐ 32	Quản trị trang trại	3	60	24	33	3
MĐ 33	Bệnh ký sinh trùng	4	75	30	42	3
MĐ 34	Bệnh nội khoa	4	90	42	44	4
MĐ 35	Bệnh ngoại - Sản khoa	4	90	36	50	4
MĐ 36	Bệnh truyền nhiễm	4	90	36	50	4
MĐ 37	Thực tập nghề nghiệp	12	320	40	280	
MĐ 38	Ứng dụng công nghệ sinh học	1	30	10	18	2
MĐ 39	An toàn sinh học trong chăn nuôi	2	45	14	29	2
MĐ 40	Áp trứng gia cầm	3	60	25	32	3

MĐ 41	Thu hoạch, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi	3	60	24	33	3
MH 42	Tìm kiếm việc làm và khởi nghiệp kinh doanh	1	30	13	15	2
MĐ 43	Thực tập tốt nghiệp	12	480	40	440	
	Tổng cộng	154	3500	1151	2219	130

4. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Áp dụng theo quy trình đào tạo và Quy chế thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp hiện hành của Nhà trường.